ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NAM CƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*Nam Cường, ngày tháng năm 2014*

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

Xã Nam Cường là xã nằm ở phía bắc huyện Chợ Đồn, cách trung tâm huyện 35 km, địa giới hành chính:

- Phía Bắc giáp xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể.
- Phía Đông giáp xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể.
- Phía Nam giáp xã Đồng Lạc.
- Phía Tây giáp xã Xuân Lạc.

Toàn xã có 5 dân tộc anh em gồm :

- Dân tộc Tày 454 hộ =60%
- Dân tộc Dao 193 hộ =25%
- Dân tộc Kinh 66 hộ =8,7%
- Dân tộc H'Mông =5,7%
- Dân tộc Nùng =0,6%

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A. Thông tin cơ bản

1. Đặc điểm địa lý

Xã Nam Cường nằm ở phía Bắc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, có trục đường 254 chạy qua, có con suối bắt nguồn từ thôn Bản Cuôn, xã Ngọc Phái chảy ngược về Nam Cường qua hang Pác Chản rồi đổ ra Hồ Ba Bể, mỗi khi có mưa to kéo dài lũ đổ về gây ngập úng trên diện rộng, gây thiệt hại diện tích cây trồng và nhà cửa, tài sản của nhân dân.

Mưa to kéo dài có thể gây lũ quét ở các con suối nhỏ và gây sạt lở đất ở những nơi có tả luy cao, ngập úng ở vùng thấp.

Là xã nằm trong khu vực có địa hình tương đối phức tạp, có vùng đồi, núi đá cao độ dốc lớn, địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích. Xã có diện tích đất soi bãi do phù sa bồi lắng rất màu mỡ phù hợp với các loại cây lương thực và cây màu, tuy nhiên diện tích này thường xuyên bị ngập úng vào mùa mưa.

Khí hậu xã Nam Cường chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của khu vực miền núi Đông bắc bộ. Mùa đông khô và lạnh, mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mưa nhiều vào tháng 6 đến tháng 8 gây ngập úng lâu ngày ở vùng đất trồng lúa và đất soi bãi. Lượng mưa trung bình năm là 1.700 mm.

2. Tình hình dân cư

2.1. Tình hình dân số

Dân số	Thôn		
	Tổng	Nam	Nữ
Số hộ	760		
Số khẩu	3330	1664	1666
Số hộ nghèo	75	59	16
Độ tuổi lao động (18-60 tuổi)	2155	1076	1079
Đối tượng dễ bị tổn thương	1234		
Người cao tuổi	285	114	171
trẻ em	890	478	412
Người khuyết tật	42	26	16
Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	17		
Người bị bệnh hiểm nghèo			

2.2. Phân bố dân cư

TT	Thôn	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương				
					Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Nà Lình	44	191	1	6	54	2	90	
2	Nà Liền	63	245	4	29	53	4	121	
3	Nà Mèo	85	343	6	32	66	4	171	
4	Bản Mới	73	300	3	32	78	3	157	
5	Cốc Lùng	73	321	1	27	77	4	165	
6	Phiêng Cà	82	347	6	35	97	3	177	
7	Cọn Poỏng	72	282	7	28	77	6	137	
8	Bản Chảy	76	351	4	34	86	3	178	
9	Bản quá	62	298	5	22	89	6	153	
10	Bản Lồm	93	433	17	35	122	8	203	
11	Lũng Noong	37	219	21	5	91		114	
	Cộng	760	3330	75	285	890	43	1666	

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (Tài nguyên thiên nhiên)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất
	Tổng diện tích đất tự	3.235	

	nhiên		
	Đất thổ cư	25,49	
	Đất lúa nước	244,17	
	Đất trồng cây lâu năm	35,24	
	Đất rừng	352,16	
	Đất nuôi trồng thủy sản	14,92	

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Diện tích/quy mô	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	 178,96 ha 12,18 ha		
	Buôn bán nhỏ và tiểu thương		40 hộ	
	Nuôi trồng thủy sản	5 ha		
	Dịch vụ		25 hộ	
	Nghề khác			Lao động tự do

5. Hạ tầng cơ sở

5.1. Trụ sở Hội đồng nhân dân – UBND xã

Trụ sở HĐND - UBND xã được đầu tư xây mới năm 2013 ,có phòng làm việc, 1 hội trường đủ hỗ cho 50 ngươi họp; có hệ thống nhà vệ sinh tốt

5.2. Trường học

Xã có 3 hệ thống trường

- Trường THCS có 12 giáo viên (nam 4; nữ 8)
  - 2 cán bộ quản lý (1 nam; 1 nữ)
  - 2 nhân viên (1 nam; 1 nữ)
  - 163 học sinh (nam 91; 72 nữ

- Có 04 phòng ở nội trú cho học sinh đã kiên cố nhưng không có nhà vệ sinh,bể nước,nhà tắm
- Trường có tủ thuốc sơ cấp cứu, có 1 y sỹ
- Có 12 phòng học và 5 phòng làm việc đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp
- Có 20 học sinh thôn Lũng noong và Bản Lồm phải vượt qua vùng lũ đến trường

- Trường Tiểu học có 22 giáo viên (nam 3 ; nữ 19)
  - 2 cán bộ quản lý 2 nữ)
  - 2 nhân viên (1 nam; 3 nữ)
  - 01 điểm trường chính và 3 điểm phụ
  - Tổng số học sinh:240 học sinh (nam 114; nữ 126)
  - Có 11 phòng học đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp
  - Trường có 15 học sinh thôn Bản Quá phải vượt qua vùng lũ đến trường
  - Có 11 phòng học đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp
  - Trường có 15 học sinh thôn Bản Quá phải vượt qua vùng lũ đến trường
- Trường mầm non: có 16 giáo viên (nữ 16)
  - 3 cán bộ quản lý (3 nữ)
  - 4 nhân viên (1 nam; 3 nữ)
  - 04 điểm trường chính và 4 điển phụ
  - Tổng số trẻ : 239 học sinh (nam 115; nữ 126)
  - Có 2 phòng học nhà cấp 4 mới xây dựng, Ngoài 2 phòng hoc mới xây dựng ở Bản Nà Mèo còn lại đều học nhờ nhà dân hoặc nhà họp thôn

5.3. Y tế

Xã có 01 trạm y tế với diện tích khuôn viên khoảng 1.700 m^2, trạm y tế xây dựng đạt chuẩn quốc gia với nhà 2 tầng, 12 phòng, có giường bệnh nội trú. Tuy nhiên một số hạng mục chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ như nhà để xe, lò xử lý rác thải, vườn thuốc nam ..về trang thiết bị khám chữa bệnh của trạm còn hạn chế, nhưng nhìn chung công tác hoạt động y tế bảo vệ sức khỏe trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực.

Cán bộ y tế thôn: 11/11 thôn

5.4. Công trình văn hóa.

Hiện tại trên địa bàn có 11/11 thôn có nhà họp thôn tuy nhiên tất cả đều được xây dựng có kết cấu bằng gỗ tạp sử dụng tạm thời, diện tích nhỏ hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng. Xã chưa có Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao. Chưa có sân thể thao, các hoạt động thể thao chủ yếu nhờ sân trường học

5.5. Chợ:

Chợ Nam Cường được xây dựng theo tiêu chuẩn mới, cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn xã với diện tích đất khoảng 0,4 ha, diện tích nhà họp chợ hơn 900 m^2.

5.6. Bưu điện.

Xã Nam Cường đã có điểm bưu điện văn hóa đang hoạt động, nhà bưu điện văn hoá là nhà cấp 4 với diện tích sử dụng khoảng 40 m^2 trong khuôn viên khoảng 200 m^2 được xây dựng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ còn thiếu thốn,đã có điểm truy cập Internet cho cộng đồng

5.7. Giao thông

- **Đường tỉnh, huyện:** có đường tỉnh lộ 254 đi qua địa phận xã, đoạn nằm trên địa bàn xã có chiều dài khoảng 4,4 km, kết cấu đường nhựa, lộ giới 3,5m.đã xuống cấp
- **Đường xã đến thôn bản (Đường liên thôn):** có 01 tuyến với tổng chiều dài 11.000 m, trong đó: cứng hoá bê tông 700 m.
- **Đường ngõ xóm:** với tổng chiều dài 12.000 m, trong đó được cứng hoá khoảng 1.200 m, đạt 10 %. Tuy nhiên tỷ lệ được cứng hoá chưa đạt tiêu chuẩn, lộ giới trung bình chỉ khoảng 1,5 m. Còn lại là đường đất
- **Đường sản xuất (Nội đồng):** 15.000 m, trong đó 100% là đường đất.
- Hệ thống giao thông thôn xóm, đường nội đồng hầu hết là đường đất có bề rộng trung bình dưới 1,5 m, chất lượng đường xấu, mùa mưa trở nên lầy lội, sói lở. Cơ bản chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ sản xuất và chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chí nông thôn mới.

5.8. Thủy lợi

Đa số các công trình thuỷ lợi được kiên cố một số tuyến vẫn mang tính chất tạm thời chưa được kiên cố hoá cần xây dựng và mở rộng thêm.

Trong đó có 02 tuyến kênh chính cung cấp cho phần lớn diện tích sản xuất lúa của cả xã nhưng hiện đã xuống cấp rò rỉ, sạt lở không đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu. Hệ thống kênh nội đồng đã được xây dựng mới nhưng chưa đồng bộ, đầy đủ. Hiện trạng hệ thống kênh muowng cơ bản chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn xã.

5.9. Điện

Hiện nay, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đạt yêu cầu của tiêu chí nông thôn mới, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 98,6 % tổng số hộ trong xã. Ngoài ra, điện phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng được quan tâm đầu tư phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất cho bà con nông dân

5.10. Cấp thoát nước và môi trường.

- Cấp nước: nguồn cấp nước sinh hoạt cho dân cư của xã hiện nay đang sử dụng là nguồn nước ngầm, nước nguồn tự nhiên. Các hộ dân tự khai thác tại hộ gia đình bằng cách dẫn nước từ các nguồn, đào giếng, các giếng khoan, Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia 52% số hộ

- Thoát nước: trên địa bàn xã hầu như chưa có hệ thống thoát nước. Nước mưa và nước thải sinh hoạt chưa được thu gom, chảy tràn, tự thấm và xả ra các khu vực trũng chảy ra kênh rạch.

6. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố (cấp 1,2,3)	Nhà bán kiên cố (cấp 4)	Nhà tạm bợ
1	Nà Lình	44	4	39	1
2	Nà Liền	63	1	57	5
3	Nà Mèo	85	10	73	2
4	Bản Mới	73			2
5	Cốc Lùng	73			
6	Phiêng Cà	81	0	81	0
7	Cọn Poỏng	72	3	67	2
8	Bản Chảy	76		73	3
9	Bản quá	62			

10	Bản Lồm	94	0	87	7
11	Lũng Noong	37			
	Cộng	760	18		22

7. Nước sạch, vệ sinh môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Tổng	**760**	**31**		**696**		**119**	**233**	

8. Công tác phòng, chống thiên tai

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện, kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống lụt bão TKCN. Thành phần Ban Chỉ huy gồm các ông, bà là cán bộ UBND xã, trưởng các ban ngành, đoàn thể, các trưởng thôn (28 người). Trưởng ban là Phó chủ tịch UBND xã. Có sự phân công các thành viên Ban chỉ huy phụ trách các thôn, phân công nhiệm vụ cụ thể các tổ chức đoàn thể.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai và TKCN hàng năm được xây dựng căn cứ tình hình thực tế địa phương dự kiến các tình huống có thể xảy ra đồng thời đưa ra các phương án xử lý tình huống cụ thể. Khi có tình huống xảy ra thực hiện xử lý tình huống theo phương châm bốn tại chỗ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng chống thiên tai: Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã có 2 xuồng máy sử dụng trong trường hợp mưa lũ, ngập úng lớn, các phương tiện vật chất khác như áo phao, phao cứu sinh, các loại biển báo đồng thời có kế hoạch huy động các phương tiện như ô tô của nhân dân khi cần thiết.

B. Thông tin đánh giá về thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai.

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

- Nhận xét chung:

Các loại hình thiên tai đã xảy ra ở nam Cường là hạn hán, rét hại, sạt lở đất, lốc xoáy, sét và điển hình nhất là ngập úng. Hầu như năm nào cũng xảy ra ngập úng, rét hại, hạn hán.

Tác động chính của thiên tai đến cộng đồng trong quá khứ chủ yếu là gây thiệt hại về tài sản, hoa màu, gia súc,gia cầm,các dịch vụ công, cơ sở hạ tầng. Những thiệt hại về người trong những năm gần đây gần như không có mặc dù thiên tai lớn xảy ra nhiều hơn nhờ có sự chủ động phòng tránh chủ yếu là chủ động sơ tán và sơ tán triệt để khỏi nơi có nguy cơ cao và kinh nghiệm phòng tránh của người dân với những phương tiện tai chỗ như bè mảng, dùng tre, chuối cây cốn bè khi thiên tai xảy ra. Tuy nhiện những thiệt hại về tài sản, lúa và hoa màu, cơ sở hạ tầng do ngập lụt gia tăng hơn trước do các yếu tố chịu rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương tăng và và khả năng tiêu thoát nước mỗi ngày một kém do khe Pắc Chản ngầm qua núi không được nạo vét, thường bị ách tắc do người dân không vệ sinh đồng ruộng, vứt rơm rạ bừa bãi

Xu thế của hiểm họa tự nhiên trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kế về tần suất, cường độ, phạm vi, cụ thể như sau:

- Lịch sử thiên tai

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
8/2006	Ngập lụt	Mưa kéo dài 3 ngày, nước dâng cao 12 m	Toàn xã	- Đường bị ngập 4km; - Lúa bị mất 100 ha, - Ngô bị mất 40 ha - Cá 500 kg - Nhà bị ngập 25 cái	- Ven suối - Địa hình thấp - Người dân còn chủ quan, lúng túng - Hệ thống tiêu thoát nước kém	- Chính quyền đã chỉ đạo nhân dân di dời người và tài sản từ vùng thấp lên vùng cao - Đa số nhân dân đã chủ động di dời
9/2014	Ngập lụt	Mưa kéo dài 2 ngày, nước dâng cao 8 m	Toàn xã	- Đường 254 đi Lũng Noong bị ngập 1 km; - Lúa bị mất 86,8 ha,	- Ven suối - Địa hình thấp - Người dân còn chủ quan, lúng túng	- Chính quyền đã thông báo kịp thời cho nhân dân

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
				- Ngô bị mất 30,7 ha - Cá 100 kg	- Hệ thống tiêu thoát nước kém	
2014	Hạn hán	Kéo dài 2 tháng	Toàn xã	120 ha ngô đồi giảm năng suất 60%	Hệ thống kênh mương thiếu,thiếu máy bơm	- Nạo vét kênh mương - Mua máy bơm
9/2014	Sạt lở đất	Sạt nhanh do mưa to,kéo dài		6 nhà bị ảnh hưởng trong đó có 01 hộ phải di dời khẩn cấp	Nhà ven đồi taluy dốc	- Di dời một hộ - Hỗ trợ di dời
12/2007 - 01/2008	Rét hại	Nhiệt độ xuống thấp 4-5 độ, kéo dài 3 tháng	Toàn xã	- Nhiều người dân bị ảnh hưởng đến sức khỏe (đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em)	- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia	- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
				- Gia súc, gia cầm bị chết nhiều:20 con trâu,bò - Diện tích hoa màu bị giảm năng suất -Học sinh phải nghỉ học	súc, chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa biết cách chăm sóc gia súc, gia cầm	người và gia súc, gia cầm - Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm - Nhà nước hỗ trợ
1/2011	Rét hại	Nhiệt đố dưới 10 độ C,kéo dài 3 tháng	Toàn xã	- Trẻ em và người già bị bệnh - Gia súc chết 23 con(13 trâu; 10 bò) - Mạ chết 0,7 ha - Học sinh phải nghỉ	- Do chủ quan - Thiếu kỹ năng chăm sóc,bảo vệ sức khỏe, - Ký năng chăm sóc	- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
				học 1 tuần	gia súc,thả rông trâu,bò - Thiếu thức ăn cho gia súc - Không che chắn chuồng trại,che chắn cho mạ	- Một số hộ dân biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc, gia cầm - Nhà nước hỗ trợ kinh phí
2012	Lóc xoáy	- Nhanh ,kéo dài 30 phút	Thôn Bản chảy,Nà Lình, Nà Liền,Cọn Poỏng bản	- 50 nhà bị lốc ,bay mái 10ha -Ngô gẫy đổ	- Nhà tạm mái ngói chưa được chằn chống -Ngô cây cao giai đoạn thân non	- Kèo chằng mái ngói - Vận động dân hỗ trợ sữa chửa lại nhà

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
			Mới			
3/2013	hạn hán	-Xảy ra kéo dài 3 tháng, nhiệt độ cao 38-39 độ -Xảy ra ngày càng nhiều	Toàn xã	30 ha lúa;10 ha ngô mầu bị chết và giảm năng suất Ảnh hưởng sức khỏe người	- Hệ thông tươi Xuống cấp	- Chính quyền chỉ đạo chống hạn, hỗ trợ, mua máy bơm
8/2013	Ngập lụt	Sau 2 ngày mưa lớn	Vùng thấp của xã	-Ngập 100 ha lúa,Ngô 10 ha (mất 10%)	-Lúa mới cấy đang non -Hệ thống thoát nước kém	- cấy lại -Gieo ngô
6/2008	sét	Nhanh,đột ngột	- Nà Lình, Nà Liền,Cọn	Chết 1 người (nam) -Chết 4 trâu, 6 bò	-Trâu bò thả rông trên rừng -Thiếu hiểu biết	-Khi có hiện tượng giống sét đuổi trâu bò về nhà

Năm. tháng xảy ra thiên tai (1)	**Loại hình thiên tai đã xảy ra (2)**	**Đặc điểm và xu hướng thiên tai (3)**	**Khu vực thiệt hại (4)**	**Những thiệt hại và mức độ thiệt hại (5)**	**Nguyên nhân dẫn đến từng thiệt hại (6)**	**Những việc người dân và chính quyền địa phương đã làm (7)**
			Poỏng			

2. 2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

Nhận xét chung:

Qua đánh giá ở các cụm thôn, tình trạng dễ bị tổn thương ở các thôn tuy có khác nhau về mức độ nhưng có những điểm chung như sau:

Các yếu tố DBTT ở địa phương chủ yếu là:

- Người: bao gồm các đối tượng thuộc nhóm DBTT, các đối tượng sinh sống nơi dễ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở ven các suối, đồi núi; nhóm cộng đồng có nhận thức thấp, chủ quan,các đối tượng phải vượt suối trên bè mảng vào thời gian lũ,ngập lụt để thực hiện nhiệm vụ PCTT, hoạt động dân sinh thiết yếu,học sinh đi học
- Lúa, hoa mầu, cây trồng, gia súc bị thiệt hại do ở ven suối , mùa vụ trùng vào mùa thiên tai. Thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ gia súc gia cầm , do phong tục tập quán trong việc chăn thả, chuồng trại không hợp vệ sinh,không che chắn,thiếu thức ăn cho gia súc vào thời kỳ rét hại
- Cơ sở hạ tầng, nhà dân do ở vùng thiên tai thường xảy ra, nhà ở yếu kém, tạm bợ.

Tình trạng DBTT chủ yếu là do đặc điểm địa lý, địa hình, tập quán sinh sống và thói quen canh tác, nhận thức của người dân, cơ sở hạ tầng yếu kém đặc biệt quan trọng là hệ thống tiêu thoát nước kém do khe hang Bắc Chản bị bồi lấp, bị tắc khi có ngập lụt

Các tình trạng DBTT

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn hạn chế: Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai, người dân còn chủ quan trước thiên tai, ý thức của một bộ phận cộng đồng trong phòng tránh thiên tai chưa cao, không tuân thủ nghiêm các quy định sơ tán, di dời khi thiên tai xảy ra.
- Hệ thống thông tin liên lạc,cảnh báo chưa có hoặc còn thiếu nghiêm trọng ,địa bàn rộng,các khu dân cư,các nhà dân ở cách nhau quá xa nên việc cảnh báo không kịp thời,thiếu hiệu quả,kém phát huy khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt là các thôn vùng sâu của xã, khi thiên tai xảy ra
- Tất cả các thôn hàng năm chưa xây dựng được kế hoạch phòng chống lụt bão, chưa có phương án sơ tán,Việc thực hiện phương châm 4 tại chỗ còn hạn chế ở các hộ và các thôn, xã ,chưa lồng ghép kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai , thích ứng với BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.
- Công tác cứu hộ, tìm kiếm ,cứu nạn và sơ cấp cứu :Nhiều thôn chua hoạt động,thiếu phương tiện thực thi công việc,thiếu kỹ năng
- Cơ sở hạ tầng của xã còn thiếu thốn, đường giao thông giữa các thôn bị cách trở nên sự giao lưu,trao đổi khó khăn đăc bệt là khi có lũ lụt xảy ra, hầu như các thôn bị chia cắt,việc đi lại ngưng trệ hoặc phải bằng mảng.điều này cũng làm cho các em phải nghỉ học hoăc phải tới trường trong điều kiện cực kỳ nguy hiểm
- Nhóm người dễ bị tổn thương ở xã cao
- Hiện tượng ô nhiễm môi trường ở các thôn đã và đang có chiều hướng gia tăng do thiếu nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh không đạt tiểu chuẩn, chuồng trại không hợp vệ sinh, các chất thải, rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình đều thải trực tiếp vào sông, suối

- Bảng tóm tắt các TTDBTT

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Tình trạng dễ bị tổn thương
Ngập lụt	- Ven suối - Địa hình thấp ,trũng - Người dân còn chủ quan, lúng túng - Hệ thống tiêu thoát nước kém -1-4 km đường 254 đi Lũng Noong cốt đường thấp dễ bị ngập - 22 nhà tạm và 20% hộ dân sống ở vùng trũng,thấp - Số hộ không có nhà tiêu và nhà tiêu tạm còn nhiều (233 nhà vệ sinh tạm, 308 hộ không có nhà vệ sinh ổn định) -Đối tượng dễ bị tổn thương cao: 75 hộ nghèo;1216 đối tượng DBTT khác Nhận thức của một số người dân về rủi ro thiên tai và PCTT còn hạn chế, -Còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, chủ quan (30%) - Có 20% các hộ dân sinh sống ở vùng trũng,thấp -Hệ thống truyền thanh xuống cấp, nhiều hộ không tiếp cận được thông tin -Ban chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp chưa được tập huấn về công tácphòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai một cách bài bản. - Thiếu phương tiện hỗ trợ học sinh đi học vào mùa ngập lụt - Lực lượng xung kích còn hạn chế -Hệ thống kênh mương được xây dựng nay đã xuống cấp, không đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới tiêu - Trên địa bàn xã hầu như chưa có hệ thống thoát nước. - Nước mưa và nước thải sinh hoạt chưa được thu gom, -Một xuồng máy bị hỏng máy

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Tình trạng dễ bị tổn thương
	-Thiếu kinh phí hoạt động PCTT -Thiếu nhiều phương tiện trang thiết bị: Xuồng máy, máy phát điện,áo phao, phao bơi -Nhiều nơi nguy cơ cao chưa có biển cảnh báo - Một số trang bị hiện đại như máy siêu âm, chưa được sử dụng do trình độ cán bộ y tế han chế
Rét hại	- Chuồng trại chưa được che chắn kỹ - Một số hộ còn thả rông gia súc -Không dự trữ thức ăn cho gia súc Thiếu kỹ năng chăm sóc gia súc, gia cầm - Thiếu thức ăn do cỏ chết, các loại thức ăn bổ sung hạn chế
Sạt lở đất	-Taly đồi dốc -Nhà làm dưới chân núi -Mưa kéo dài
Lóc xoáy	- Nhà tạm mái ngói, mái tấm lợp chưa được chằng chống -Ngô ,lúa trùng mùa lốc - Thiếu thông tin -Hiểu biết về lốc còn hạn chế - Còn nhà tạm
Hạn hán	- Hệ thông tươi thiếu, xuống cấp,không được nạo vét thường xuyên - Diện tích nương có độ dốc lớn không giữ được nước -Thiếu nguồn nước dự trữ -Thiếu bơm tưới -Không dự trữ thức ăn cho gí súc -Rừng bị chặt phá bừa bãi
Sét	-Trâu bò do thả rông trên đồi khi có giông sét

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Tình trạng dễ bị tổn thương
	-Thiếu hiểu biết về sét

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Nhân xét chung:

Trong thời gian qua với ý thức cao của người dân cộng với công tác vận động của chính quyền các cấp được thực hiện thường xuyên trong công tác chủ động phòng chống thiên tai về lâu dài cần có quy hoạch, kế hoạch nâng cấp các tuyến cống, đập trở nên kiên cố, đường giao thông nông thôn và những giải pháp phi công trình để nâng cao nhận thức cộng đồng cũng như việc xây dựng quy chế trách nhiệm trong việc chủ động ở từng hộ gia đình trong phòng chống, giảm nhẹ thiên tai thiết thực, hiệu quả, bền vững.

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Năng lực phòng chống thiên tai
Ngập lụt	- Chính quyền đã thông báo kịp thời cho nhân dân - Chính quyền đã chỉ đạo nhân dân di dời người và tài sản từ vùng thấp lên vùng cao - Đa số nhân dân đã chủ động di dời -100% dân trong các thôn đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm, người dân có kinh nghiệm PCTT - Gần 100% hộ dân có tivi, xe máy; 100% các hộ có thành viên có điện thoại - Đã chuyển đổi giống cây phù hợp né tránh thiên tai hoặc hạn chế tác động bất lợi của thiên tai:nhu lúa bao thai,khang dân ngắn ngày, Ngô thấp cây -Người dân có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong PCTT.

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Năng lực phòng chống thiên tai
	-Có tỷ lệ hộ nghèo thấp -Thường xuyên theo dõi các thông tin về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng. -Đã có BCH PCTT từ cấp xã đến từng thôn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên - Có kế hoạch và sự phối hợp kịp thời, đồng bộ giữa các tổ chức, đoàn thể, xã hội … trong công tác phòng chống thiên tai. -Kế hoạch được triển khai đến người dân - 30% hộ dân vùng trũng đã có bè mảng -BCH-PCTT đã được trang bị một số phương tiện hỗ trơ cho công tác PCTT: Đã có 2 xuồng, áo phao 20 cái; phao tròn 30 cái, nhà bạt 3 cái; -Cộng đồng có 20 ô tô các loại -Đảm bảo trật tự trị an khi có thiên tai xảy ra - Có tỉnh lộ 254 chạy qua thuận lợi cho việc giao thương và ứng phó thiên tai -Trụ sở UBND xã , Trạm y tế, đã được xây kiên cố theo tiêu chuẩn nông thôn mới. - Trực 24/24 khi có thiên tai - Có 8 điểm sơ tán an toàn -- Đã chủ động gieo mạ dự phòng -Trạm y tế xã 2 tầng, 12 phòng ;có đủ phòng làm việc,đầy đủ trang bị sơ cấp cứu, phòng dịch; có 01 bác sỹ,3 y sỹ, 01 dược tá và đã đạt chuẩn quốc gia -11/11 thôn có cán bộ y tế Kế hoạch được triển khai đến người dân

Loại hình thiên tai đã xảy ra	Năng lực phòng chống thiên tai
Rét hại	- Tuyên truyền người dân phòng, chống rét cho người và gia súc, gia cầm - Khi thiên tai xảy ra có sự hỗ trợ của nhà nước - Đã sử dụng các biện pháp chăm sóc phù hợp cho mạ, lúa khi gặp rét: ngày xả nước,đêm tháo nước vào ruộng ; thay đổi giống mới phù hợp với thời tiết. Che chắn cho mạ khi rét hại và sương muối. - Nhiều hộ đã che chắn tốt chuồng trại bằng bạt, có chế độ chăm sóc phù hợp, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm kịp thời, dự trữ thức ăn ;Thắp điện sưởi ấm cho gia cầm; đốt lửa sưởi cho trâu bò; - Dự trữ thức ăn
Sạt lở đất	-Giúp đỡ di dời 2 hộ đến nơi ở mới an toàn -Tuyên truyền để người dân không làm nhà nơi dễ bị sạt lở - Sửa lại đường
Lóc xoáy	- Kèo chằng mái ngói - Vận động dân hỗ trợ sữa chửa lại nhà
Hạn hán	-Chính quyền chỉ đạo chống hạn, hỗ trợ khi có hạn hán - Người dân chủ động mua máy bơm - Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia 52% số hộ -Nạo vét kênh mương, -Chuyển đổi giống chịu hạn
Sét	-Lùa trâu bò về chuồng khi có hiện tượng giông sét - Không nghe điện thoại khi có giông sét

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai

1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

Các rủi ro thiên tai tại địa phương chủ yếu là do các loại hình thiên tai :Ngập lụt, sạt lở đất, rét hại,hạn hán, sét, lốc xoáy gây ra

Qua kết quả đánh giá những ảnh hưởng của các loại hình thiên tai trên, người dân đã xác định có các rủi ro chính sau đây

1. Người bị thương, bị chết khi có thiên tai
2. Giao thông bị ách
3. Nhà bị ngập, đổ,bị hư hỏng
4. Thiệt hại về lúa, mầu, cây trồng
5. Môi trường bị ô nhiễm
6. Gia súc,gia cầm, cá bị chết, bị mất
7. Học sinh phải nghỉ học
8. Phụ nữ chịu sức ép nặng hơn trng cuộc sống sau thiên tai

Căn cứ vao các tiêu chí lựa chọ rủi ro thiên tai:

- Mức độ nguy hiểm của loại thiên tai gây ra rủi ro
- Phạm vi thiên tai ảnh hưởng đến rủi ro
- Mức độ rủi ro trước thiên tai

Người dân đã thống nhất lựa chọn các rủi ro cần được ưu tiên giải quyết như sau:

tai

1. Thiệt hại về người
2. Lúa, mầu bị mất, giảm năng suất
3. Nhà bị ngập, đổ,bị hư hỏng
4. Môi trường bị ô nhiễm

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Hội nghị đã phân tích nguyên nhân gây ra các rủi ro và đã đưa ra các giải pháp sau:

1. Tuyên truyền,giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về thiên tai, bảo vệ môi trường
2. Tập bơi cho đối tượng dễ bị tổn thương
3. Di dời và sơ tán các hộ vùng nguy cơ cao

4. Trang bị phương tiện PCTT cho địa phương
5. Trồng và bảo vệ rừng
6. Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp
7. Tu bổ,sửa chữa,nâng cấp, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy
8. Thông tin cảnh báo kịp thời
9. Thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ"

Căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Tính cấp thiết
- Tính khả thi
- Số người được hưởng lợi
- Đối tượng được hưởng lợi
- Phù hợp nhu cầu cộng đồng.
- Phù hợp với ké hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương

Cộng đồng đã thống nhất đề xuất ưu tiên các giải pháp sau:

1. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về Quản lý rủi ro thiên tai
2. Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy
3. Trồng và bảo vệ rừng
4. Chuyển đổi giống cây trồng

D. Kết luận và đề xuất

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc sau đây:

- Cung cấp cho địa phương một số phương tiện cần thiết :
  - Xuồng máy thêm 2 cái
  - Áo phao cho học sinh thường xuyên phải vượt suối trong thời gian lũ để đến trường: 50 cái
  - Xây dựng nhà tiêu,giếng nước,nhà tắm cho nhà nội trú của học sinh THCS
  - Máy phát điện 6 KW 01 cái
- Xây mới trường THCS, tiểu học, mần non đảm bảo để các em có chỗ học an toàn, ổn định
- Đào tạo cho trạm y tế xã một kỹ thuật viên sử dụng các trang thiết bị y tế hiên có như máy siêu âm,máy xét nghiệm, …

- Sớm có phương án lâu dài, bền vững cho công tác tiêu thoát lũ cho địa phương trên cơ sở hợp tác và cùng có lợi

TM. UBND XÃ

Chủ tịch